

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH
TÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/2024/QĐST-DS

Bình Tân, ngày 10 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST- HN ngày 10 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc M**, sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ B, khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1979

ĐKTT: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Trần Hữu V**, sinh năm 1964

Địa chỉ: tổ 2, khóm T, thị trấn T, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn B thống nhất: Bà Trần Thị Ngọc M được hưởng toàn bộ căn nhà chính là nhà độc lập, khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền gạch men, có trần, diện tích $4,37m \times 12,9m = 56,37m^2$ và nhà sau là nhà độc lập, khung cột bê tông cốt thép, vách tường, mái lợp tol, nền gạch men, có trần, diện tích $9,80m \times 3,80m = 14,44m^2$ xây dựng trên thửa đất số 46, TĐĐ số 3, diện tích $1.400m^2$, loại đất thổ quả, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) do ông Trần Hữu V đứng tên; bà M có trách nhiệm hoàn lại cho ông Lê Văn B $\frac{1}{2}$ giá trị nhà với số

tiền 45.492.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng), đến hết ngày 17/01/2024 ông B sẽ dọn đồ dùng cá nhân để giao lại nhà cho bà M và bà M giao đủ số tiền 45.492.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) cho ông B.

Đối với các tài sản khác thì bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn B tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ông Trần Hữu V không có tranh chấp với bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn B đối với thửa đất số 46, TĐĐ số 3, diện tích 1.400m², loại đất thổ quả, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long) và nhà của bà M và ông B xây dựng trên thửa đất số 46 nêu trên trong vụ án này, khi nào có tranh chấp thì ông V sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 950.000 đồng (chín trăm năm chục nghìn đồng), bà Trần Thị Ngọc M và ông Lê Văn B mỗi người chịu ½ với số tiền 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, bà Trần Thị Ngọc M đã nộp tiền tạm ứng toàn bộ số tiền này nên buộc ông Lê Văn B có nghĩa vụ nộp số tiền 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị Ngọc M nộp 1.137.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng); số tiền án phí bà M phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013907 ngày 10/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Vậy bà Trần Thị Ngọc M còn phải nộp số tiền là 837.000 đồng (tám trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Buộc ông Lê Văn B nộp 1.137.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự: 03;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân: 01;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh: 01;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương

